

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
NĂM 2022**

HÀ NỘI, 2022

LỜI GIỚI THIỆU

Khoa Quản trị kinh doanh tiền thân là khoa Kinh tế thương nghiệp được hình thành ngay từ những ngày đầu thành lập trường Đại học Thương mại. Đến năm 1994, Khoa Kinh tế thương nghiệp được đổi tên thành khoa Quản trị doanh nghiệp. Năm 2016, Khoa Quản trị doanh nghiệp một lần nữa đổi tên thành khoa Quản trị kinh doanh.

Từ năm 1994 đến nay, khoa Quản trị kinh doanh đã thực hiện đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh hệ chính quy liên tục 31 khóa (từ khóa 26 đến nay là khóa 57). Bên cạnh đó, khoa Quản trị kinh doanh cũng thực hiện đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh hệ vừa làm vừa học, liên thông trung cấp lên Đại học, liên thông Cao đẳng lên Đại học. Quá trình đào tạo liên tục gần 30 năm trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, khoa Quản trị kinh doanh đã đóng góp hàng nghìn cử nhân Quản trị kinh doanh cho đất nước.

Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh năm 2022 (sau đây được gọi là CTĐT 2022) được thiết kế nhằm cung cấp những thông tin then chốt về CTĐT 2022 cho sinh viên hiện tại và tiềm năng, cựu sinh viên, đội ngũ giảng viên và nhân viên của Nhà trường, các nhà tuyển dụng.

Bản đặc tả CTĐT 2022 ngành Quản trị kinh doanh tập trung vào giới thiệu những thông tin quan trọng như triết lý, sứ mạng, mục tiêu của ngành Quản trị kinh doanh, giới thiệu chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT, cơ hội nghề nghiệp và học tập ở bậc cao sau khi tốt nghiệp, tiêu chuẩn tuyển chọn đầu vào, quá trình đào tạo, các điều kiện tốt nghiệp, các phương pháp dạy và học, các phương pháp đánh giá, hệ thống tính điểm, cấu trúc chương trình, danh sách các học phần, lộ trình học, giới thiệu tóm lược về các học phần và các ma trận cho thấy cách thức mà sinh viên đạt được các PLOs của CTĐT thông qua ma trận giữa chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra CTĐT, ma trận giữa phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra CTĐT.

Bản mô tả Chương trình đào tạo năm 2022 có những thay đổi so với Bản mô tả Chương trình đào tạo năm 2019 nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng của CTĐT và đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với bối cảnh mới.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ.....	iii
PHẦN 1: MÔ TẢ CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1 Giới thiệu về khoa Quản trị kinh doanh.....	1
1.1.1 Triết lý giáo dục	1
1.1.2.Sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa Quản trị kinh doanh.....	1
1.1.3 Mục tiêu giáo dục của khoa Quản trị kinh doanh	1
1.2 Giới thiệu chương trình đào tạo	2
1.3 Thông tin chung về chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh.....	3
1.4. Mục tiêu chương trình.....	4
1.4.1. Mục tiêu chung	4
1.4.2. Mục tiêu cụ thể	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	4
1.6. Vị trí việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp của sinh viên.....	5
1.6.1 Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp.....	5
1.6.2 Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp.....	6
1.6.3 Tự khởi nghiệp kinh doanh.....	6
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo học thuật, yêu cầu tốt nghiệp	6
1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh.....	6
1.7.2. Quá trình đào tạo.....	6
1.7.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	6
1.8. Phương pháp giảng dạy và học tập	7
1.9. Phương pháp đánh giá học tập.....	9
1.10. Hệ thống tính điểm.....	17
PHẦN 2. MÔ TẢ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	18
2.1. Cấu trúc.....	18
2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)....	20
2.3. Lộ trình học.....	23
2.4. Mô tả khóa học	24

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

Bảng 1: Thông tin cơ bản về CTĐT	3
Bảng 2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.....	4
Bảng 3: Ma trận chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học	8
Bảng 4: Ma trận chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá	9
Bảng 6: Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Thương mại	17
Bảng 7. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs	19
Bảng 8 : Ma trận chuẩn đầu ra của CTĐT và các học phần trong CTĐT	20
Bảng 9: Lộ trình triển khai CTĐT	23

PHẦN 1: MÔ TẢ CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu về khoa Quản trị kinh doanh

1.1.1 Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của khoa Quản trị kinh doanh : *Thúc đẩy tính sáng tạo , xây dựng tinh thần trách nhiệm và tạo lập khả năng thích ứng*

Đội ngũ giảng viên, các nhà quản lý giáo dục của khoa Quản trị kinh doanh cùng với các đối tác như người sử dụng lao động, cựu sinh viên...phối hợp cùng triển khai các hoạt động đào tạo nhằm hướng tới hình thành những cá nhân có tính sáng tạo trong kinh doanh. Bởi kinh doanh không có sự sáng tạo, kinh doanh theo lối mòn là kinh doanh thất bại; Hình thành những cá nhân có trách nhiệm trong kinh doanh. Trách nhiệm trong kinh doanh bao hàm trách nhiệm với cộng đồng, hướng tới kinh doanh bền vững; Hình thành những cá nhân có khả năng thích ứng tốt với những thay đổi của môi trường. Môi trường đang biến đổi không ngừng và tốc độ thay đổi ngày càng nhanh. Mỗi cá nhân phải tạo lập được khả năng thích ứng tốt trước những thay đổi của môi trường. Thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường chỉ có được nếu mỗi cá nhân được trang bị năng lực tự học suốt đời. Những giá trị trên đạt được thông qua những nỗ lực của hệ thống giáo dục chính thức và không chính thức.

1.1.2.Sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa Quản trị kinh doanh

1.1.2.1 Sứ mệnh của Khoa Quản trị kinh doanh

Khoa Quản trị kinh doanh là khoa quản lý chuyên ngành có bề dày truyền thống trong đào tạo nhân lực trình độ cao, cung cấp nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu của xã hội; sáng tạo và chuyên giao tri thức về quản trị kinh doanh cho các cá nhân, tổ chức trong xã hội.

1.1.2.2 Tầm nhìn của Khoa Quản trị kinh doanh

Tầm nhìn đến 2030, Khoa Quản trị kinh doanh trở thành một địa chỉ đào tạo nhân lực quản trị kinh doanh có uy tín cao; có nhiều chương trình đào tạo phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế hiện đại; tổ chức đào tạo quản trị kinh doanh ở nhiều trình độ khác nhau bao gồm: Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ; là đơn vị sáng tạo và chuyên giao tri thức trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

1.1.3 Mục tiêu giáo dục của khoa Quản trị kinh doanh

Đào tạo nhân lực quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của xã hội; có kỹ năng nghề nghiệp tốt; có năng lực học tập suốt đời; thích ứng với môi trường làm việc.

1.2 Giới thiệu chương trình đào tạo

Quản trị kinh doanh là một trong những ngành học xương sống đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, bởi nó có vai trò đào tạo ra những nhân lực then chốt cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Những năm gần đây, ngành Quản trị kinh doanh hấp dẫn các bạn trẻ năng động, có đam mê kinh doanh bởi môi trường ứng dụng rất rộng và nhu cầu thị trường đang lên rất cao trong xu thế hội nhập Kinh tế Quốc tế của Việt nam.

Quá trình vận hành của một doanh nghiệp rất phức tạp và có thể bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau. Để một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển tốt, việc kiểm tra và giám sát quá trình kinh doanh là rất cần thiết. Như một điều tất yếu, ngành Quản trị Kinh doanh đã ra đời và liên tục phát triển trong nền kinh tế hiện đại. Bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã và đang đặt ra nhiều thách thức đối với đào tạo ngành quản trị kinh doanh

Năm 1994, trước bối cảnh kinh tế Việt Nam có sự thay đổi lớn đã đặt ra những yêu cầu mới về đào tạo nhân lực Kinh tế - Quản trị. Trường Đại học Thương mại đã giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh - chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại cho Khoa Quản trị doanh nghiệp. Sau 22 năm đào tạo, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại, năm 2016 nhận thấy quá trình đào tạo của nhận Quản trị kinh doanh của nhà trường đã có nhiều thay đổi để thích ứng với nhu cầu xã hội. Việc sử dụng tên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại không bao hàm được mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo hiện hành. Do vậy, nhà trường đã có quyết định 929/QĐ-ĐHTM ngày 10/11/2016 về việc đổi tên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại thành chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Năm 2019, căn cứ vào: Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về một số học phần bắt buộc trong khối kiến thức đại cương; Quy định hiện hành về định kỳ rà soát, hoàn thiện và đổi mới chương trình đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội và người học; Quá trình tích lũy kiến thức, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên khoa Quản trị nhân lực; Các chương trình đào tạo của một trường đại học tiên tiến trên thế giới và của một số trường đại học Việt Nam như Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Ngoại thương; Kết quả khảo sát, nghiên cứu nhu cầu của người học, người sử dụng sinh viên tốt nghiệp, ý kiến chuyên gia trong ngành quản trị kinh doanh; Xu hướng phát triển của khoa học quản trị kinh doanh;... Khoa Quản trị kinh doanh đã tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh 2022 so với phiên bản CTĐT năm 2019 theo hướng sau:

(1) Giảm bớt 1 TC bắt buộc của nhóm kiến thức cơ sở ngành, tăng 1 TC bắt buộc của nhóm kiến thức ngành

(2) Thay đổi hình thức đánh giá học phần của một số học phần từ hình thức thi tự luận sang bài tập lớn. Cụ thể gồm các học phần sau: Quản trị chiến lược, Quản trị sản xuất, khởi sự kinh doanh

(3) Bổ sung các học phần đáp ứng xu thế chuyển đổi số

(4) Rà soát đảm bảo thống nhất tỷ lệ tự chọn 2:1

(5) Chuẩn đầu ra đã được rà soát đảm bảo phủ đầy khung năng lực trình độ quốc gia (QĐ 1982/QĐ-TTg ban hành ngày 18/10/2016)

(6) Số lượng chuẩn đầu ra được tinh gọn còn 11 CĐR

1.3 Thông tin chung về chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh

Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ với 131 TC bao gồm: khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành (quản trị kinh doanh), kiến thức bổ trợ và thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo một lộ trình hợp lý và khoa học, cho phép sinh viên có thể linh động trong kế hoạch học tập để đạt được bằng cử nhân từ 3,5 đến 7 năm.

Bảng 1: Thông tin cơ bản về CTĐT

1	Ngành	Quản trị kinh doanh
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	Cử nhân
4	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
5	Thời gian	4 năm (Sinh viên có thể rút ngắn thời gian học lên tới 3,5 năm hoặc kéo dài tối đa đến 7 năm dựa trên khả năng và điều kiện học tập)
6	Số tín chỉ	131 tín chỉ (bao gồm 11TC các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
7	Khoa quản lý	Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Đại học Thương mại
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9	Website	https://quantrikinhdoanh.tmu.edu.vn/
10	Facebook	https://www.facebook.com/quantrikinhdoanh.tmu

Khoa Quản trị kinh doanh với bề dày 62 năm trưởng thành và phát triển, đội ngũ giảng viên có chất lượng, tâm huyết với nghề. Hiện khoa Quản trị kinh doanh đang có 39 giảng viên cơ hữu gồm : 1 Giáo sư, 1 PGS, 14 Tiến sĩ, 23 thạc sĩ (trong đó 10 nghiên cứu sinh) . Ngoài ra, Khoa Quản trị kinh doanh cũng có sự tham gia

giảng dạy của 4 PGS là giảng viên chuyên môn của khoa hiện đang kiêm nhiệm công tác quản lý cấp trường, khoa.

Các chương trình đào tạo trình độ đại học được xây dựng bởi các chuyên gia trong khoa và được hội đồng thẩm định, các chuyên gia trong ngành và người sử dụng nhân lực, người học đánh giá là phù hợp, có chất lượng. Hệ thống học liệu giáo trình được tăng cường, cập nhật; Các phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại được sử dụng phổ biến đảm bảo phát triển năng lực người học suốt đời.

1.4. Mục tiêu chương trình

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt có khả năng vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng quản trị kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng ra quyết định quản trị phù hợp với những biến động của môi trường kinh doanh; có khả năng tự khởi sự kinh doanh để tạo việc làm cho bản thân và người khác; có năng lực tự học tập bồi dưỡng suốt đời;

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có năng lực học tập suốt đời

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng những kiến thức kinh tế và quản trị kinh doanh để tham gia điều hành hoạt động của doanh nghiệp hoặc tự khởi sự kinh doanh và điều hành hoạt động kinh doanh của bản thân

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện được các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Chương trình đào tạo xác định có 11 PLO thuộc 04 nhóm chuẩn đầu ra. Cụ thể:

Bảng 2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

STT	Nhóm	Chuẩn đầu ra	Mã CDR
1	1. Kiến thức	Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về chính trị và pháp luật, kinh tế - xã hội vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	PLO1
2		Vận dụng được kiến thức nguyên lý quản trị tổ chức và quản trị các nguồn lực trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	PLO2
3		Vận dụng có tính sáng tạo các kiến thức quản trị chiến lược, quản trị tác nghiệp, quản trị lĩnh vực hoạt động vào thực tiễn của doanh nghiệp.	PLO3

STT	Nhóm	Chuẩn đầu ra	Mã CDR
4	2. Kỹ năng	Thực hiện được kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động;	PLO4
5		Thực hiện được kỹ năng phân tích, xây dựng, triển khai, đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động;	PLO5
6		Thực hiện được kỹ năng, truyền đạt, thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm liên quan đến các vấn đề về quản trị kinh doanh; Thích nghi tốt trong làm việc nhóm	PLO6
7		Xây dựng được kế hoạch khởi sự kinh doanh	PLO7
8	3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	Có khả năng tự chủ làm việc độc lập, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh; Có khả năng định hướng, hướng dẫn, giám sát người khác làm việc	PLO8
9		Tuân thủ chuẩn mực đạo đức kinh doanh	PLO9
10	4. Ngoại ngữ và tin học	Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.	PLO10
11		Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 và Quyết định 338 QĐ-ĐHTM ngày 14/03/2022 của Trường Đại học Thương mại.	PLO11

1.6. Vị trí việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp của sinh viên

1.6.1 Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp

- Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh;
- Bộ phận quản trị dự án kinh doanh;
- Bộ phận quản trị nhân lực;
- Bộ phận quản trị bán hàng;
- Bộ phận quản trị cung ứng hàng hóa và dịch vụ thương mại;

- Các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (Marketing, logistic kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chất lượng...) ở các doanh nghiệp.

1.6.2 Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp sản xuất;
- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ;
- Các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học;

1.6.3 Tự khởi nghiệp kinh doanh : Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tự khởi nghiệp dưới hình thức tạo lập công việc kinh doanh cho bản thân hoặc thành lập doanh nghiệp và vận hành hoạt động doanh nghiệp.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo học thuật, yêu cầu tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Khoa Quản trị kinh doanh – trường Đại học Thương mại chấp nhận các ứng viên đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- (1) Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- (2) Đăng ký và làm bài kiểm tra tốt nghiệp trung học quốc gia ở nhóm A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), D07 (Toán, Hóa, Anh) và có nguyện vọng học ngành quản trị kinh doanh;
- (3) Có điểm thi quốc gia cao hơn hoặc bằng điểm chuẩn của Đại học Thương mại và ngành Quản trị kinh doanh.

1.7.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thương mại. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 3,5 đến 7 năm.

Tại Trường Đại học Thương mại, mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính. Quá trình đào tạo được thiết kế chuẩn thành 8 học kỳ. Trong đó gồm 7 học kỳ học toàn bộ 110 tín chỉ và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp tương ứng 10 tín chỉ.

1.7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét tốt nghiệp khi đáp ứng các điều kiện sau:

- (1) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học (7 năm);
- (2) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;
- (3) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- (4) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- (5) Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.
- (6) Được công nhận đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- (7) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh và Giáo dục thể chất;
- (8) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.8. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT

Bảng 3: Ma trận chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học

TT	Phương pháp dạy-học	Mã PP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1	Phương pháp thuyết giảng/thuyết trình	DH1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Phương pháp đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	DH2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Phương pháp nghiên cứu tình huống/giải quyết tình huống	DH3	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
4	Phương pháp thảo luận	DH4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Phương pháp tranh luận/phản biện	DH5	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
6	Phương pháp làm việc nhóm	DH6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Phương pháp đóng kịch, nhập vai	DH7		x	x	x	x	x	x	x	x		
8	Phương pháp làm việc 1-1	DH8		x	x	x	x			x			
9	Phương pháp quan sát/trải nghiệm thực tế	DH9		x	x	x	x			x			

1.9. Phương pháp đánh giá học tập

Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh cũng sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng. Với mỗi môn học, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua đánh giá điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận nhóm, điểm thi hết học phần. Để đảm bảo đánh giá chính xác quá trình học tập của người học, mỗi học phần đều xây dựng Rubrics để đánh giá từng loại điểm

Bảng 4: Ma trận chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá

PLO	Phương pháp đánh giá	Công cụ
PLO kiến thức		
PLO1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Bài kiểm tra trắc nghiệm/ Thi tự luận/ Thi trắc nghiệm	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO2	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Bài kiểm tra trắc nghiệm/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO3	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Bài tập lớn theo nhóm/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi /Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO kỹ năng		
PLO4	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO5	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận/ Bài tập lớn cá nhân/Bài tập lớn theo nhóm/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO6	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO7	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO8	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập

		tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO9	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận / Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO ngoại ngữ và tin học		
PLO10	Kiểm tra chuẩn đầu ra	Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường
PLO11	Kiểm tra chuẩn đầu ra	Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường

PLOs	Khối giáo dục đại cương	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức cơ sở ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức bổ trợ	Khối kiến thức GDCN – Thực tập và làm tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
PLO1	Triết học Mác - Lê Nin	Kinh tế học				DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Bài kiểm tra trắc nghiệm/ Thi tự luận/ Thi trắc nghiệm
	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin					DH2	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh					DH3	
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam					DH4	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học					DH5	
	Pháp luật đại cương					DH6	
	Toán đại cương						
	Phương pháp nghiên cứu khoa học						
PLO2		Quản trị học	Quản trị nhân lực căn bản		Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Bài kiểm tra trắc nghiệm/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp
		Marketing căn bản	Quản trị tài chính 1		Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	DH2	
		Tâm lý quản trị kinh doanh				DH3	
			Văn hóa kinh doanh			DH4	
						DH5	
						DH6	

PLOs	Khối giáo dục đại cương	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức cơ sở ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức bổ trợ	Khối kiến thức GDCN – Thực tập và làm tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
						DH7 DH8 DH9	
PLO3			Quản trị chiến lược *	Chiến lược kinh doanh quốc tế	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	DH1 DH2 DH3 DH4	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Bài tập lớn theo nhóm/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp
			Quản trị sản xuất		Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	DH5	
			Quản trị bán hàng *			DH6	
			Quản trị dự án			DH7	
			Mua và quản trị nguồn cung			DH8 DH9	
			Quản trị công ty				
			Quản trị rủi ro				
PLO4		Quản trị học	Quản trị chiến lược *		Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	DH1	Kiểm tra chuyên

PLOs	Khối giáo dục đại cương	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức cơ sở ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức bổ trợ	Khối kiến thức GDCN – Thực tập và làm tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
					Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	DH2 DH3 DH4 DH5 DH6 DH7 DH8 DH9	cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp
PLO5			Quản trị sản xuất		Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	DH1 DH2	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận/ Bài tập lớn cá nhân/Bài tập lớn theo nhóm/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp
			Quản trị bán hàng *		Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	DH3 DH4	
			Quản trị dự án			DH5	
			Mua và quản trị nguồn cung			DH6	
			Quản trị công ty			DH7 DH8	

PLOs	Khối giáo dục đại cương	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức cơ sở ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức bổ trợ	Khối kiến thức GDCN – Thực tập và làm tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
						DH9	
PLO6	Triết học Mác - Lê Nin	Quản trị học	Quản trị nhân lực căn bản			DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận
		Tâm lý quản trị kinh doanh	Quản trị tài chính 1			DH2	
			Quản trị chiến lược *			DH3	
			Quản trị dự án			DH4	
			Khởi sự kinh doanh			DH5	
			Quản trị công ty			DH6	
			Quản trị rủi ro			DH7	
PLO7		Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp	Khởi sự kinh doanh			DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân
						DH2	
						DH3	
						DH4	
						DH5	
						DH6	
						DH7	

PLOs	Khối giáo dục đại cương	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức cơ sở ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức bổ trợ	Khối kiến thức GDCN – Thực tập và làm tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
PLO8	Triết học Mác - Lê Nin		Quản trị nhân lực căn bản		Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	DH1 DH2	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp
		Kinh tế học	Quản trị tài chính 1		Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	DH3 DH4	
		Quản trị học	Quản trị chiến lược *			DH5	
			Quản trị sản xuất			DH6	
			Quản trị bán hàng *			DH7	
			Quản trị dự án			DH8	
			Quản trị công ty			DH9	
			Quản trị rủi ro				
PLO9		Quản trị học	Văn hóa kinh doanh	Luật kinh tế 1		DH1 DH2	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận / Thi tự luận
		Tâm lý quản trị kinh doanh				DH3 DH4 DH5 DH6	

PLOs	Khối giáo dục đại cương	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức cơ sở ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Khối kiến thức GDCN – Khối kiến thức bổ trợ	Khối kiến thức GDCN – Thực tập và làm tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
						DH7	
PL010	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh chuyên ngành 1				DH1 DH2	Kiểm tra chuẩn đầu ra
	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh chuyên ngành 2				DH4 DH6	
	Tiếng Anh 3						
PLO11	Tin học quản lý					DH1 DH2 DH4 DH6	Kiểm tra chuẩn đầu ra

1.10. Hệ thống tính điểm

Trường Đại học Thương mại sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập toàn khóa của sinh viên.

Bảng 6: Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Thương mại

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	8,5 ÷ 10	A	4
	Khá	8,0 ÷ 8,4	B ⁺	3,5
		7,0 ÷ 7,9	B	3
	Trung bình	6,5 ÷ 6,9	C ⁺	2,5
		5,5 ÷ 6,4	C	2,0
Trung bình yếu	4,0 ÷ 5,4	D	1	
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

PHẦN 2. MÔ TẢ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc

Tổng số tín chỉ của chương trình là 131 tín chỉ (trong đó học phần Giáo dục thể chất 03 tín chỉ, Giáo dục quốc phòng và an ninh 08 tín chỉ, 120 tín chỉ học tập) với cấu trúc như sau:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ (trong đó có 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 91 tín chỉ

Bao gồm:	+ Kiến thức cơ sở ngành:	28 tín chỉ
	+ Kiến thức ngành, chuyên ngành:	41 tín chỉ
	+ Kiến thức bổ trợ:	12 tín chỉ
	+ Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học:	10 tín chỉ

Thời gian đào tạo chuẩn của chương trình: 04 năm.

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 7:

Bảng 7. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

TT	KHỐI KIẾN THỨC	TÍN CHỈ		CHUẨN ĐẦU RA										
		SL	%	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	29	24,16	x					x		x		x	x
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	75,84											
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành	29		x	x		x		x	x	x	x		
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	40			x	x	x	x	x	x	x	x		
2.3	Kiến thức bổ trợ	12			x							x		
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10			x	x	x				X			

2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Bảng 8 : Ma trận chuẩn đầu ra của CTĐT và các học phần trong CTĐT

STT	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG											
1	Triết học Mác - Lê Nin	R,A					I		I			
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	R,A										
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	R,A										
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R,A										
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	R,A										
6	Pháp luật đại cương	R,A										
7	Tiếng Anh 1										I	
8	Tiếng Anh 2										R	
9	Tiếng Anh 3										R	
10	Toán đại cương	R										
11	Tin học quản lý											R
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	I										
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP											
B.1	Kiến thức cơ sở ngành											

STT	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1	Kinh tế học	R							R			
2	Quản trị học		R		R,A		R		R	R		
3	Marketing căn bản		M									
4	Tâm lý quản trị kinh doanh		R				R			R,A		
5	Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp							R,A				
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1										R	
7	Tiếng Anh chuyên ngành 2										M	
B.2	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)											
1	Quản trị nhân lực căn bản		M,A				M		M			
2	Quản trị tài chính 1		M,A				M		M			
3	Quản trị chiến lược *			M,A	M,A		M		M			
4	Quản trị sản xuất			M		M,A			M			
5	Quản trị bán hàng *			M,A		M,A			M			
6	Quản trị dự án			M		M	M,A		M			
7	Mua và quản trị nguồn cung			M		M						
8	Khởi sự kinh doanh						M	M,A				
9	Quản trị công ty			M		M	M,A		M			
10	Quản trị rủi ro			M			M		M			
11	Văn hóa kinh doanh		M							M,A		

STT	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
B.3	Kiến thức bổ trợ											
1	Chiến lược kinh doanh quốc tế			M								
2	Luật kinh tế 1									R		
B.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học											
1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp		M,A	M	M	M			M,A			
2	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp		M	M,A	M	M			M,A			

2.3. Lộ trình học

Bảng 9: Lộ trình triển khai CTĐT

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Tổng cộng	15-16 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		Tổng cộng	14-16TC
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỲ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		120TC

2.4. Mô tả khóa học

PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính

chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Tiếng Anh 1 giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp trên điện thoại, cách thức đặt chỗ, đặt vé tàu, vé máy bay, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia các cuộc thảo luận nhỏ.v.v.. . Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

Tiếng Anh 2

Tiếng Anh 2 giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh văn trong môi trường thương mại. Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh

như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp trên bàn đàm phán, thực hiện một bài thuyết trình về công ty, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.v.v...Ngoài ra học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn Market Leader – Pre-Intermediate (old edition và new edition), gồm 5 bài (units), cung cấp nội dung kiến thức chủ yếu liên quan đến lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại ví dụ như ‘lên kế hoạch công việc’, ‘quản lý nguồn nhân lực’, ‘những tiêu chí và điều kiện cũng như các kỹ năng, phẩm chất cần có cho những người quản lý trong việc giải quyết những xung đột trong nhân sự’, ‘marketing và sản phẩm’, v.v... Trong mỗi bài học hầu hết đều cung cấp cho sinh viên theo các mục : Khởi động, Nghe, Đọc, Từ vựng, Ngữ pháp và Bài tập thực hành với tiêu chí chính là phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ cho sinh viên. Hơn nữa, Học phần Tiếng Anh 3 còn cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng đáng kể liên quan đến chuyên ngành kinh tế thương mại. Mục tiêu chính của học phần này đó là phục vụ tối đa mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và hỗ trợ phát triển các kỹ năng khác cho sinh viên để ứng dụng tốt trong học tập, nghiên cứu và công việc sau này.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

1.2 Các học phần tự chọn

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ

Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smiht, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a.Các học phần bắt buộc

Kinh tế học

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Quản trị học

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị tổ chức. Bao gồm: Khái niệm và chức năng quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị và quản trị sự thay đổi. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm : chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Marketing căn bản

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin

marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Tâm lý quản trị kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về tâm lý trong quản trị kinh doanh bao gồm: khái niệm tâm lý quản trị kinh doanh; các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân; đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể; tâm lý lãnh đạo và êkíp lãnh đạo; tâm lý trong hoạt động kinh doanh và giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp

Với mục đích cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về phát triển bản thân và đánh giá nghề nghiệp trong tương lai. Học phần phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản sau: phân tích các khía cạnh của phát triển bản thân, tổng quan về môi trường việc làm và cơ hội nghề nghiệp của doanh nhân khởi nghiệp; xác định mục tiêu nghề nghiệp và đánh giá năng lực bản thân trong vai trò của doanh nhân khởi nghiệp; chỉ ra các yêu cầu đối với một doanh nhân khởi nghiệp, quản lý bản thân doanh nhân khởi nghiệp như quản lý stress, quản lý thời gian, quản lý tài chính và duy trì các mối quan hệ; cách thức lập kế hoạch phát triển bản thân của doanh nhân khởi nghiệp.

Tiếng Anh chuyên ngành 1

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

Tiếng Anh chuyên ngành 2

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

b. Các học phần tự chọn

Nguyên lý thống kê

Học phần cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu; Các phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

Nhập môn Tài chính tiền tệ

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

Hành vi khách hàng

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức và các loại hình, đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là tổ chức.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Thương mại điện tử căn bản

. Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ

biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet

Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

Kinh tế thương mại đại cương

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

Quản trị nhân lực căn bản

Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

Quản trị tài chính 1

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác

biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản trị sản xuất

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

*Quản trị bán hàng **

Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Quản trị dự án

Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

Mua và quản trị nguồn cung

Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan từ khái niệm, lịch sử phát triển & quan điểm tiếp cận tới cấu trúc tổ chức trong công tác mua và quản trị nguồn cung. Học phần còn nghiên cứu các chính sách, quá trình tác nghiệp, quản trị chi phí, quyết định thuê ngoài, quá trình chiến lược mua và quản trị quan hệ nhà cung cấp. Đồng thời, học phần còn giới thiệu những xu hướng phát triển của công tác mua và quản trị nguồn cung trong tương lai.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội

dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Quản trị công ty

Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

Quản trị rủi ro

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

Văn hóa kinh doanh

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

b.Các học phần tự chọn

Quản trị thương hiệu 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị chất lượng

Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

Quản trị logistics kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung, có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Quản trị marketing 1

Học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến lược marketing của doanh nghiệp; khái niệm cơ bản của marketing hiện đại và các quan điểm quản trị marketing; triết lý giá trị khách hàng; quản trị thời cơ marketing thông qua nghiên cứu và phân tích marketing; quản

trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.

Quản trị đổi mới, sáng tạo

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về quản trị đổi mới sáng tạo. Bao gồm: Kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo; Quy trình quản trị đổi mới sáng tạo; Các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Quản trị hành chính văn phòng

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

Quản trị nhóm làm việc

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về công tác quản trị nhóm làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp bao gồm các nội dung như: Đặc điểm và vai trò của nhóm làm việc; Các giai đoạn phát triển nhóm; Thành lập nhóm làm việc; Tổ chức quản lý nhóm; Lãnh đạo và kiểm soát nhóm làm việc, Giải quyết xung đột trong nhóm, Kỹ năng giao tiếp nhóm; Đánh giá hiệu suất nhóm; Các kỹ năng và năng lực của người trưởng nhóm. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên để xây dựng và triển khai hoạt động của nhóm làm việc theo các mục tiêu và nhiệm vụ đã xác định.

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Chiến lược kinh doanh quốc tế

Học phần cung cấp các kiến thức căn bản về quản trị CLKDQT và vận dụng thực tiễn của DN trong kinh doanh quốc tế nói chung. Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế được chia thành 5 chương chính. Chương 1 đề cập tới những diễn biến hiện thời trên thị trường quốc tế, đánh giá những động cơ thúc đẩy một doanh nghiệp cần và nên thực hiện kinh doanh quốc tế. Chương 2 và chương 3 phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của DN kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày những chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình mà doanh nghiệp theo đuổi, dựa trên 2 biến số thích ứng địa phương và tích hợp toàn cầu. Chương 5 cung cấp cái nhìn đầy đủ về tổ chức triển khai CLKDQT của doanh nghiệp và các vấn đề về quản trị sự thay đổi và xung đột trong kinh doanh.

Luật kinh tế 1

Học phần cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về pháp sản và luật

phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

b. Học phần tự chọn

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

Kế toán quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp; Phân loại chi phí; Dự toán sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí truyền thống và hiện đại trong kế toán quản trị doanh nghiệp; Kế toán theo các trung tâm trách nhiệm; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

Quản lý Nhà nước về kinh tế

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

2.4 Thực tập tốt nghiệp

Báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản trị của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực

tiền hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động quản trị để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về quản trị kinh doanh tại một doanh nghiệp.